

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

CHÍNH THỨC

22-04-2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VINAMILK**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I Năm 2010

TỪ NGÀY 01/01/2010 ĐẾN NGÀY 31/03/2010

(DẠNG ĐẦY ĐỦ)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

NỘI DUNG

	Trang
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	12

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		5.530.123.703.575	5.069.158.279.143
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	220.682.266.115	426.134.657.958
1. Tiền	111		220.682.266.115	376.134.657.958
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	50.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.401.904.583.092	2.314.253.566.692
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	2.487.007.911.792	2.400.760.431.792
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	V.3	(85.103.328.700)	(86.506.865.100)
III. Các khoản phải thu	130		896.725.923.461	728.635.028.515
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	578.541.881.212	513.346.454.195
2. Trả trước cho người bán	132		174.168.760.742	139.363.472.266
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	137		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	144.630.528.753	76.588.274.943
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.6	(615.247.246)	(663.172.889)
IV. Hàng tồn kho	140		1.738.450.603.360	1.311.765.054.881
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.746.920.242.425	1.321.270.711.701
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.8	(8.469.639.065)	(9.505.656.820)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		272.360.327.547	288.369.971.096
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	36.233.225.289	21.986.072.192
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		38.977.050.933	37.398.679.286
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.10	193.569.624.181	226.000.000.000
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.580.427.144	2.985.219.618

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010***MÃ SỐ B01a-DN/HN***Đơn vị tính : VNĐ*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		3.490.958.659.135	3.412.877.571.360
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		40.304.693	8.822.112.758
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		40.304.693	8.822.112.758
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.638.632.248.617	2.524.963.816.799
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	1.864.653.321.079	1.835.582.064.070
- Nguyên giá	222		3.222.688.906.539	3.135.506.309.723
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.358.035.585.460)	(1.299.924.245.653)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	116.739.238.424	39.241.360.883
- Nguyên giá	228		168.152.457.797	82.339.659.797
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(51.413.219.373)	(43.098.298.914)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	657.239.689.114	650.140.391.846
III. Bất động sản đầu tư	240	V.13	90.940.694.722	27.489.150.000
- Nguyên giá	241		91.572.806.182	27.489.150.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(632.111.460)	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		596.332.553.613	602.478.419.946
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	26.151.955.551	26.151.955.551
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	656.434.393.800	672.731.593.440
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.17	(86.253.795.738)	(96.405.129.045)
V. Tài sản dài hạn khác	260		165.012.857.490	249.124.071.857
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	117.285.445.801	194.714.091.558
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		46.838.364.449	53.520.933.059
3. Tài sản dài hạn khác	268		889.047.240	889.047.240
VI. Lợi thế thương mại			-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100+200)	270		9.021.082.362.710	8.482.035.850.502

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010***MẪU SỐ B01a-DN/HN***Đơn vị tính : VNĐ*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+320)	300		2.130.086.185.091	1.991.195.909.984
I. Nợ ngắn hạn	310		1.882.322.285.692	1.734.870.964.822
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	13.828.919.054	13.283.082.682
2. Phải trả người bán	312	V.20	773.327.832.434	789.866.508.433
3. Người mua trả tiền trước	313		36.329.209.251	28.827.412.385
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	462.276.162.933	399.962.484.363
5. Phải trả người lao động	315		38.575.294.641	28.687.738.983
6. Chi phí phải trả	316	V.22	205.522.748.107	208.130.515.257
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ k/hoạch h đồng XD	318		-	-
9. Các khoản p/ trả, p/nộp ngắn hạn khác	319	V.23	244.981.921.411	83.847.771.105
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3211		107.480.197.861	182.265.451.614
II. Nợ dài hạn	330		247.763.899.399	256.324.945.162
1. Phải trả dài hạn người bán	331		111.131.782.393	116.939.763.988
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		92.000.000.000	92.000.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	9.963.436.000	12.454.295.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		34.668.681.006	34.930.886.174
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+420)	400	V.25	6.856.459.938.290	6.455.474.592.983
I. Vốn chủ sở hữu	410		6.856.459.938.290	6.455.474.592.983
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.530.721.200.000	3.512.653.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(157.684.000)	(154.222.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.887.231.095.399	1.756.282.910.335
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		335.172.032.269	294.347.876.431
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.103.493.294.622	892.345.028.217
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		34.536.239.329	35.365.347.535
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (300+400)	440		9.021.082.362.710	8.482.035.850.502

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**MẪU SỐ B01a-DN/HN**

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ gia công			-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-
5. Ngoại tệ các loại: USD		3.506.276,87	3.721.592,43
EUR		411,90	425,61
AUD			-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-

Người lập

Nguyễn Việt Hùng

Kế toán trưởng

Lê Thành Liêm

Lập ngày 22 tháng 04 năm 2010
Tổng Giám Đốc

Mai Kiều Liên



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

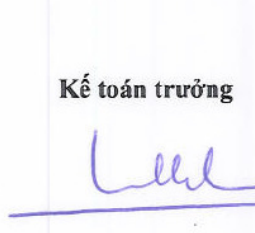
Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
(Dạng đầy đủ)
Quý I năm 2010**MẪU SỐ B02a-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2010	Quý I năm 2009
1	2	3	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	3.304.641.772.522	2.109.616.212.434
2. Các khoản giảm trừ	3		(54.522.315.111)	(41.034.747.453)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 + 03)	10		3.250.119.457.411	2.068.581.464.981
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	(2.110.328.157.667)	(1.397.814.417.723)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 + 11)	20		1.139.791.299.744	670.767.047.258
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	91.064.522.707	199.247.317.227
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(5.936.868.645)	(44.658.243.431)
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8	(242.288.024.134)	(216.890.088.318)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	(72.686.959.698)	(59.859.810.240)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21+22) + (24+25)}	30		909.943.969.974	548.606.222.496
11. Thu nhập khác	31	VI.5	59.852.701.012	25.567.456.949
12. Chi phí khác	32	VI.6	(1.659.112.087)	(5.130.756.969)
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 + 32)	40		58.193.588.925	20.436.699.980
14. Phần lãi/(lỗ) trong liên doanh			-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		968.137.558.899	569.042.922.476
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(144.658.719.609)	(104.700.448.281)
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(6.682.568.610)	16.798.455.701
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52)	60		816.796.270.680	481.140.929.896
<i>Phân bổ cho</i>				
<i>Cổ đông thiểu số</i>			<i>(829.108.207)</i>	<i>(8.965.051.143)</i>
<i>Cổ đông của Công ty</i>			<i>817.625.378.887</i>	<i>490.105.981.039</i>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	2.323	1.397

Người lập

Nguyễn Việt Hùng

Kế toán trưởng

Lê Thành Liêm



Lập ngày 22 tháng 04 năm 2010

Tổng Giám Đốc

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)***Quý I năm 2010****MẪU SỐ B 03a-DN***Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2010	Quý I năm 2009
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		968.137.558.899	569.042.922.476
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2	V.11 V.12	64.762.758.130	53.578.126.242
- Các khoản dự phòng	3		(9.966.852.752)	24.093.931.062
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		(10.544.596.346)	(10.294.963.154)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(59.137.969.347)	(153.307.863.167)
- Chi phí lãi vay	6	VI.4	572.882.911	1.575.608.189
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		953.823.781.495	484.687.761.648
- Tăng giảm các khoản phải thu	9		(113.826.897.082)	(45.538.667.389)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(433.055.002.415)	427.405.447.671
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		117.462.016.563	(81.691.706.833)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(16.770.213.286)	(1.527.503.623)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(367.906.576)	(2.222.318.986)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(31.434.115.253)	(44.208.310.115)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		21.272.600.100	82.014.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(154.855.069.555)	(87.016.997.896)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		342.249.193.991	649.969.718.477
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(182.252.722.110)	(131.845.301.031)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.153.555.563	2.197.014.667
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(87.958.000.000)	(55.004.300.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16.733.743.444	217.973.250.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	134.267.250.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41.558.772.195	12.792.482.139
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(210.764.650.908)	180.380.395.774

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	18.068.200.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32	(3.462.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	545.836.372	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.490.859.000)	(180.749.359.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(353.056.460.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(336.936.744.628)	(180.749.359.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(205.452.201.545)	649.600.755.252
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	426.134.657.958	338.653.634.582
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi Ngoại tệ	61	(190.298)	11.805.415.497
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	220.682.266.115	1.000.059.805.331

Người lập

Nguyễn Việt Hùng

Kế toán trưởng

Lê Thành Liêm

Lập ngày 22 tháng 04 năm 2010
Tổng Giám Đốc

Mai Kiều Liên



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 03 năm 2010

(Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN :

1. Hình thức sở hữu vốn:

Các thời điểm quan trọng liên quan đến việc hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) :

- + Ngày 29/04/1993: Công ty Sữa Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD của Bộ Công Nghiệp Nhẹ theo loại hình Doanh Nghiệp Nhà Nước .
- + Ngày 01/10/2003: Công ty được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà Nước của Bộ Công Nghiệp theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN.
- + Ngày 20/11/2003: Công ty đăng ký trở thành một Công Ty Cổ Phần và bắt đầu hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001932.
- + Ngày 28/12/2005: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPYN.
- + Ngày 19/01/2006: Cổ phiếu của Công Ty được niêm yết trên Thị trường chứng khoán TP HCM.
- + Ngày 12/12/2006: Công ty TNHH 1 Thành Viên Đầu Tư Bất Động Sản Quốc Tế thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 4104000260 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP Hồ Chí Minh cấp.
- + Ngày 14/12/2006: Công ty TNHH 1 Thành Viên Bò sữa Việt Nam được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 150400003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Tuyên Quang cấp.
- + Ngày 26/02/2007: Công ty Cổ Phần Sữa Lam Sơn được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 2603000521 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Tại thời điểm 31/03/2010,

+ Tập đoàn có các đơn vị phụ thuộc, công ty con, công ty liên kết như sau:

Các chi nhánh:

1/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Hà Nội - Số 57 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy – TP Hà Nội

2/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng - Lô 42 đường Triệu Nữ Vương nói dài – Phường Hải Châu 2 -Quận Hải Châu -TP Đà Nẵng .

3/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Cần Thơ - Số 86D Thới Bình, TP Cần Thơ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Các nhà máy:

- 1/ Nhà máy sữa Thống Nhất - Số 12 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 2/ Nhà máy sữa Trường Thọ - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 3/ Nhà máy sữa Dielac- Khu Công nghiệp Biên hòa I, Đồng Nai.
- 4/ Nhà máy sữa Hà Nội - Xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội.
- 5/ Nhà máy sữa Cần Thơ - Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ.
- 6/ Nhà máy sữa Sài Gòn - Khu CN Tân Thới Hiệp, Q12,TP HCM.
- 7/ Nhà máy sữa Nghệ An - Đường Sào Nam, xã Nghi Thu, TX Cửa Lò, Nghệ An
- 8/ Nhà máy sữa Bình Định - 87 Hoàng Văn Thụ, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định
- 9/ Nhà máy cà phê Sài Gòn - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương
- 10/ Nhà máy sữa Tiên Sơn - Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh

Xí nghiệp:

- + Xí nghiệp Kho Vận - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ đức, TP.HCM.
- + Xí nghiệp Kho Vận Hà Nội – Km 10 Quốc lộ 5, Xã Dương Xá, Q Gia Lâm, Hà Nội

Phòng khám:

- + Phòng khám đa khoa An Khang - 87A CMT8, Quận 1, TP HCM.

Công ty con:

+ Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn

- Địa chỉ: KCN Lễ Môn, Tỉnh Thanh Hóa
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55%

+ Công ty Một Thành Viên Bò Sữa Việt Nam

- Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, P6, Q3, TP Hồ Chí Minh.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

+ Công ty Một Thành Viên Đầu tư BĐS Quốc tế

- Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, P6, Q3, TP Hồ Chí Minh.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

Công ty liên kết:

+ Công ty Cổ Phần Nguyên Liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn

- Địa chỉ: Lô C-9E-CN, KCN Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

- Tỷ lệ phần sở hữu: 20 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20%

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

+ Trang trại mẫu Campina tại Lâm Đồng

- Địa chỉ trụ sở chính:
Ban Quản Lý Dự Án Phát Triển Nguồn Nguyên Liệu Sữa
Thôn Tư Tra – Huyện Đơn Dương – Tỉnh Lâm Đồng
Tỷ lệ phần sở hữu: 25 %
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 25%

+ Căn hộ Horizon

- Địa chỉ trụ sở chính:
Công ty địa ốc FICO
Tầng lửng, Khu C, 348 Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 5, TPHCM
Tỷ lệ phần sở hữu: 24,5 %
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 24,5%

2. Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh, Tập đoàn được phép thực hiện các lĩnh vực và ngành nghề như sau:

- a. Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác.
- b. Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu.
- c. Kinh doanh nhà.
- d. Môi giới, cho thuê bất động sản.
- e. Kinh doanh kho, bến bãi.
- f. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- g. Bốc xếp hàng hóa.
- h. Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở).
- i. Sản xuất và mua bán bao bì.
- j. In trên bao bì.
- k. Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa (không sản xuất bột giấy, tái chế phế thải nhựa tại trụ sở).
- l. Phòng khám đa khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

- m. Chăn nuôi, trồng trọt, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, trồng trọt.
- n. Dịch vụ sau thu hoạch .
- o. Xử lý hạt giống để nhân giống.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán cho Quý 1 bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/03.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

- + Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2009.
- + Tập đoàn soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010 theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27: Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- + Các chế độ kế toán được áp dụng nhất quán với những chế độ kế toán áp dụng với báo cáo tài chính năm cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.
- + Không có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

- + Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế Toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

- + Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- + Báo cáo tài chính sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (“VNĐ”), và được soạn lập theo Chế độ Kế toán, Chuẩn Mục Kế toán, Nguyên Tắc Kế toán Việt Nam được chấp nhận chung tại Việt Nam.
- + Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền:

a. Tiền và nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

- + Tiền: bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.
- + Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:
 - Các khoản tiền mặt: Căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.
 - Các khoản tiền gửi ngân hàng: Căn cứ vào Giấy báo Nợ và báo Có của Ngân hàng kết hợp với Sổ phụ hoặc bản xác nhận số dư của các ngân hàng tại từng thời điểm.
 - Các khoản tiền đang chuyển: dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

b. Các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo .

c. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

+ Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ :

- Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh.

+ Đối với tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ:

- Cuối quý, cuối niên độ: Tập đoàn đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được kết chuyển vào chi phí tài chính hay doanh thu tài chính (theo VAS 10).

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

+ Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:

31/12/2009: 17.941 VNĐ/USD

31/03/2010: 18.544 VNĐ/USD

3. Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- + Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- + Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.)
- + Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

- + Các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư phụ tùng, thành phẩm, công cụ, hàng hóa được áp dụng phương pháp bình quân gia quyền khi xác định giá xuất kho.
- + Hàng tồn kho trong kỳ nhập khẩu được ghi nhận tăng trong kỳ theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính.
- + Hàng tồn kho tăng giảm trong kỳ bằng các hình thức di chuyển điều kho nội bộ sẽ được hạch toán tăng theo giá hạch toán (giá điều chuyển cố định); phần chênh lệch giữa giá hạch toán và giá bình quân sẽ được hạch toán vào tài khoản chênh lệch. Cuối kỳ, phần chênh lệch sẽ được hạch toán vào hàng tồn kho hoặc giá vốn hàng bán (tùy thuộc vào tính chất xuất kho của hàng tồn kho này).

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- + Tập đoàn thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính (thay thế TT số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006).

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

4. Các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu khác và cách thức lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

- a. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu – VAS 14 về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- b. Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt.
- c. Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009. .

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:

a. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình, vô hình:

+ TSCĐ hữu hình:

- Giá trị Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên tắc: Nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập Đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
Nguyên giá TSCĐ nhập khẩu sẽ được ghi nhận theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình mua sắm TSCĐ được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính.
- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.
- Chi phí phát triển dần bù được vốn hóa cho đến khi chúng trưởng thành và chuyển sang thành tài sản cố định để trích khấu hao

+ TSCĐ vô hình bao gồm:

- Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...
- Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm nghiệm thu và đưa phần mềm vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

b. Phương pháp khấu hao:

- + TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích (liên quan đến tỷ lệ khấu hao) được thực hiện theo Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 cụ thể như sau:

Nhóm loại	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Gia súc	6

- + Khấu hao của TSCĐ được ghi nhận ngay trong tháng: sẽ được tính nguyên tháng nếu tăng trước ngày 15, và khấu hao ½ tháng nếu ghi nhận tăng sau ngày 15.
- + TSCĐ vô hình là phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- + Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc; các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- + Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.
- + Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế này theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.
- + Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

7. Bất động sản đầu tư

- + Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hay cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng mà Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải dùng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa hay dịch vụ, dùng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

+ Khấu hao

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

+ Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- + Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn.
- + Phương pháp phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc:
 - Theo thời gian hữu dụng xác định: phương pháp này áp dụng cho các khoản tiền thuê nhà đất trả trước.
 - Theo thời gian hữu dụng quy ước: phương pháp này áp dụng cho các khoản chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, công cụ dụng cụ phân bổ...

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Tập đoàn ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- + Chi phí khuyến mãi phải trả: được trích trước chi phí theo tiến độ chương trình (chủ yếu theo tiêu thức doanh thu)
- + Chi phí quảng cáo phải trả: được trích theo tiến độ và thời hạn của các hợp đồng thực hiện.
- + Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện của hợp đồng.
- + Chi phí sửa chữa lớn trích trước theo kế hoạch sửa chữa lớn được duyệt.
- + Các chi phí phải trả khác theo nội dung hợp đồng quy định.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

- + Quỹ trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp được tính toán và trích lập theo Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối như sau:

- + Quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế
- + Quỹ dự phòng tài chính 5% lợi nhuận sau thuế (tối đa bằng 10% vốn đầu tư của chủ sở hữu).

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, doanh thu tài chính:

+ Đối với hàng hóa, thành phẩm: Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

+ Đối với dịch vụ: Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

+ Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi Tập Đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - + Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - + Lỗ đầu tư chứng khoán: được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
 - Chi phí đi vay: ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
 - Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán theo thực tế phát sinh
 - Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá thực tế thanh toán.
-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại:

+ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp)*: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

+ *Thuế thu nhập hiện hành*: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

+ *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại*: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ;

+ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

+ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

+ Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 15% đến 25% trên thu nhập chịu thuế, tùy theo nơi đặt các nhà máy sản xuất.

15. Hợp nhất báo cáo

Công ty con

+ Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt nhất kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

+ Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- + Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông thiểu số.

- + Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông thiểu số giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc bán bớt cổ phần cho cổ đông thiểu số được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc mua cổ phần từ cổ đông thiểu số sẽ tạo ra lợi thế thương mại, là sự chênh lệch giữa khoản tiền thanh toán và phần giá trị tài sản thuần thể hiện trên sổ sách của công ty con.

Công ty liên kết

- + Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.
- + Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho công ty liên kết.
- + Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện của các nghiệp vụ nội bộ giữa Tập đoàn với công ty liên kết sẽ được giảm trừ vào lãi đầu tư vào công ty liên kết. Các chính sách kế toán của công ty liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách mà Tập đoàn áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	807.552.737	636.241.121
- Tiền gửi ngân hàng	216.318.891.403	374.658.408.861
- Tiền đang chuyển	3.555.821.975	840.007.976
- Các khoản tương đương tiền	-	50.000.000.000
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	-	50.000.000.000
• Cổ phiếu	-	-
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
Cộng	<u>220.682.266.115</u>	<u>426.134.657.958</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	151.803.111.792	173.060.231.792
• Cổ phiếu	151.763.111.792	169.820.231.792
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	40.000.000	3.240.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác	2.335.204.800.000	2.227.700.200.000
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	2.335.204.800.000	2.227.700.200.000
• Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	<u>2.487.007.911.792</u>	<u>2.400.760.431.792</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(85.103.328.700)	(86.506.865.100)
- Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	<u>(85.103.328.700)</u>	<u>(86.506.865.100)</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khách hàng trong nước	425.770.961.576	373.746.509.434
- Khách hàng nước ngoài	152.770.919.636	139.599.944.761
Cộng	<u>578.541.881.212</u>	<u>513.346.454.195</u>

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	207.663.558	51.281.565
- Lãi tiền gửi phải thu	72.027.716.531	56.339.350.383
- Cổ tức, trái tức và lợi nhuận được chia	11.547.779.086	1.256.976.057

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế NK còn được hoàn	16.465.648.048	8.236.379.986
- Hỗ trợ, bồi thường từ Nhà cung cấp	39.833.927.569	5.113.567.440
- Phải thu khác	4.547.793.961	5.590.719.513
Cộng	<u><u>144.630.528.753</u></u>	<u><u>76.588.274.943</u></u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(181.983.791)	(229.909.078)
• <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm</i>	(60.649.321)	(94.574.608)
• <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>	(74.221.001)	(74.221.001)
• <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	(47.113.469)	(61.113.469)
- Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	(433.263.455)	(433.263.811)
Cộng	<u><u>(615.247.246)</u></u>	<u><u>(663.172.889)</u></u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi trên đường	459.738.519.703	375.091.101.930
- Nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư kỹ thuật	818.125.462.192	548.539.430.745
- Công cụ, dụng cụ	11.865.963.487	6.132.979.862
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	159.033.378.262	121.594.997.530
- Thành phẩm	290.229.433.666	250.545.969.549
- Hàng hóa	7.927.485.115	11.409.563.139
- Hàng gửi đi bán	-	7.956.668.946
- Hàng hóa bất động sản	-	-
Cộng	<u><u>1.746.920.242.425</u></u>	<u><u>1.321.270.711.701</u></u>

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	(4.864.149.700)	(7.360.719.071)
- Công cụ, dụng cụ, vật tư kỹ thuật	(1.904.584.844)	(1.992.954.147)
- Thành phẩm	(1.621.621.590)	(77.056.174)
- Hàng hóa	(79.282.931)	(74.927.428)
Cộng	<u><u>(8.469.639.065)</u></u>	<u><u>(9.505.656.820)</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Chi phí triển khai phần mềm, bảo trì mạng	1.805.249.992	4.850.154.840	1.973.666.986	-	4.681.737.846
- Chi phí quảng cáo	3.359.557.849	12.687.053.114	5.817.177.167	-	10.229.433.796
- Chi phí tư vấn pháp lý	-	877.155.200	496.088.534	-	381.066.666
- Chi phí CCDC bán hàng	4.186.007.286	3.217.185.882	1.474.284.042	-	5.928.909.126
- Chi phí thuê mặt bằng, vị trí	6.225.726.914	5.430.332.349	2.895.162.692	2.392.569.756	6.368.326.815
- Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	2.509.212.308	3.132.806.131	3.783.462.136	21.229.575	1.837.326.728
- CP cải tạo, sửa chữa lớn	2.177.012.350	1.136.656.038	1.268.825.489	63.058.192	1.981.784.707
- Chi phí khác	1.723.305.493	8.206.443.597	5.036.990.280	68.119.205	4.824.639.605
Cộng	<u>21.986.072.192</u>	<u>39.537.787.151</u>	<u>22.745.657.326</u>	<u>2.544.976.728</u>	<u>36.233.225.289</u>

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tạm nộp tiền Thuế thu nhập doanh nghiệp	193.569.624.181	226.000.000.000
Cộng	<u>193.569.624.181</u>	<u>226.000.000.000</u>

* Vào ngày 14/01/2010 Tổng Cục Thuế đã có công văn số 149/TCT-PC về việc ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu giai đoạn từ năm 2004 – 2006. Theo nội dung công văn này được sự chấp thuận của Thủ Tướng Chính Phủ, Tổng Cục Thuế đã hướng dẫn cho phép cộng gộp hai mức ưu đãi : (1) giảm 50% số thuế phải nộp theo luật thuế TNDN và được công thêm (2) giảm 50% số thuế TNDN phải nộp do chứng khoán niêm yết lần đầu thành tổng hợp chung là doanh nghiệp được miễn thuế trong năm tài chính đó. Căn cứ vào Công Văn này thì Công ty sẽ được miễn thuế trong các năm 2004, 2005, 2006, 2007 cho nên khoản thuế 226 tỷ mà Công ty đã tạm nộp theo Thông Báo ngày 22/05/2008 của Cục Thuế TP Hồ Chí Minh được ghi nhận như là một khoản tạm nộp thuế và thể hiện tại mục Thuế và các khoản phải thu Nhà nước trong Báo cáo tài chính và sẽ được căn trừ dần cho khoản Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp phải nộp cho Cục Thuế TPHCM.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Gia súc	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu kỳ 01/01/2010	603.272.382.626	2.025.448.974.144	354.592.120.122	114.706.214.288	37.486.618.543	3.135.506.309.723
Mua trong kỳ	90.487.234	10.619.483.668	2.978.185.758	1.539.052.618	5.540.983.091	20.768.192.369
Đầu tư XDCB hoàn thành	64.320.644.481	65.798.541.633	1.440.092.726	312.246.425	-	131.871.525.265
Súc vật nuôi chuyển đàn	-	-	-	-	3.062.015.461	3.062.015.461
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	62.737.879.531	1.345.776.651	-	-	-	64.083.656.182
Phân loại lại	256.351.124	(306.377.241)	-	50.026.117	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	3.371.371.791	18.975.740	1.045.132.566	4.435.480.097
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ 31/3/2010	605.201.985.934	2.100.214.845.553	355.639.026.815	116.588.563.708	45.044.484.529	3.222.688.906.539
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ 01/01/2010	164.580.133.736	933.751.739.436	117.227.994.954	76.213.934.490	8.150.443.037	1.299.924.245.653
Khấu hao trong kỳ	7.498.484.743	41.320.122.905	7.707.239.579	3.648.276.646	1.616.614.032	61.790.737.905
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	398.978.030	22.429.610	-	-	-	421.407.640
Phân loại lại	4.135.823	(4.582.777)	907.040	676.898	(1.136.984)	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.931.277.715	11.332.733	315.380.010	3.257.990.458
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ 31/3/2010	171.683.776.272	975.044.849.954	122.004.863.858	79.851.555.301	9.450.540.075	1.358.035.585.460
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Tại ngày đầu năm	438.692.248.890	1.091.697.234.708	237.364.125.168	38.492.279.798	29.336.175.506	1.835.582.064.070
Tại ngày cuối kỳ	433.518.209.662	1.125.169.995.599	233.634.162.957	36.737.008.407	35.593.944.454	1.864.653.321.079

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư đầu kỳ 01/01/2010	35.750.347.200	-	-	46.589.312.597	82.339.659.797
Mua trong kỳ	-	-	-	307.488.000	307.488.000
Đầu tư XDCCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
Tăng khác	85.505.310.000	-	-	-	85.505.310.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ 31/3/2010	121.255.657.200	-	-	46.896.800.597	168.152.457.797
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ 01/01/2010	11.608.069.186	-	-	31.490.229.728	43.098.298.914
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	2.761.316.405	2.761.316.405
Tăng khác	5.553.604.054	-	-	-	5.553.604.054
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ 31/3/2010	17.161.673.240	-	-	34.251.546.133	51.413.219.373
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
Tại ngày đầu năm	24.142.278.014	-	-	15.099.082.869	39.241.360.883
Tại ngày cuối kỳ	104.093.983.960	-	-	12.645.254.464	116.739.238.424

13. Bất động sản đầu tư

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguyên giá BĐS đầu tư				
Quyền sử dụng đất	27.489.150.000	-	-	27.489.150.000
Nhà	-	-	-	-
Nhà và Quyền sử dụng đất	-	64.083.656.182	-	64.083.656.182
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Tổng cộng	27.489.150.000	64.083.656.182	-	91.572.806.182
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	-	-	-	-
Nhà và Quyền sử dụng đất	-	632.111.460	-	632.111.460
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Tổng cộng	-	632.111.460	-	632.111.460
III. Giá trị còn lại của BĐS đầu tư				
Quyền sử dụng đất	27.489.150.000	-	-	27.489.150.000
Nhà	-	-	-	-
Nhà và Quyền sử dụng đất	-	63.451.544.722	-	63.451.544.722
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Tổng cộng	27.489.150.000	63.451.544.722	-	90.940.694.722

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Số dư đầu kỳ	650.140.391.846	356.867.733.457
Tăng trong kỳ	139.189.505.755	65.290.810.893
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	131.871.525.265	31.573.327.639
Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	-
Chuyển sang HTK	-	-
Thanh lý	-	-
Giảm khác	218.683.222	-
Số dư cuối kỳ	<u>657.239.689.114</u>	<u>390.585.216.711</u>

Trong đó có giá trị các công trình lớn đang thực hiện tại các nhà máy, chi nhánh và văn phòng như sau :

- Văn phòng công ty	405.642.816.201	77.270.239.214
- NM Sữa Trường Thọ	73.513.871.997	4.117.972.697
- NM Sữa Thống Nhất	31.222.180	355.013.954
- NM Sữa Sài Gòn	51.589.815.939	52.509.150.677
- NM Sữa Cần Thơ	173.435.419	2.605.455.796
- NM Sữa Bình Định	178.033.500	1.524.814.520
- NM Sữa Nghệ An	1.062.554.580	2.314.755.838
- XNKV Hà Nội	9.541.518.039	17.545.557.972
- NM Cà Phê Sài Gòn	1.142.381.332	164.699.631.526
- NM Sữa Tiên Sơn	66.255.861.517	5.071.578.615
- Văn phòng - CN tại Cần Thơ	43.015.532.945	36.670.313.505
- Chi nhánh Hà Nội	-	20.066.666.655
- NM Sữa Đà Nẵng	235.727.273	5.388.404.660
Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	4.071.173.006	-
Công ty CP Sữa Lam Sơn	785.745.186	296.775.627
Công ty CP BĐS Chiến Thắng	-	148.885.455
TỔNG CỘNG	657.239.689.114	390.585.216.711

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giấy phép	Thực góp	
- Căn hộ Horizon - Hợp đồng hợp tác kinh doanh	24,50%	24,50%	9.942.684.826
- Trang trại mẫu Campina - Hợp đồng kinh doanh đồng kiểm soát	25,00%	25,00%	7.209.270.725
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn - Công ty liên kết	20,00%	20,00%	9.000.000.000
Cộng			26.151.955.551

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Đầu tư cổ phiếu	333.634.393.800	349.931.593.440
- Đầu tư trái phiếu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	122.800.000.000	122.800.000.000
Cộng	656.434.393.800	672.731.593.440

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(86.253.795.738)	(96.405.129.045)
Cộng	(86.253.795.738)	(96.405.129.045)

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
- Tiền thuê mặt bằng	189.432.685.102	-	-	78.055.934.181	111.376.750.921
- CP CCDC bán hàng	2.400.404.384	4.089.021.323	-	3.231.515.884	3.257.909.823
- CP trả trước dài hạn khác	2.881.002.072	373.879.507	271.770.889	332.325.633	2.650.785.057
Cộng	194.714.091.558	4.462.900.830	271.770.889	81.619.775.698	117.285.445.801

19. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn ngân hàng	3.865.483.054	3.319.646.682
- Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24)	9.963.436.000	9.963.436.000
Cộng	13.828.919.054	13.283.082.682

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

20. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà cung cấp nội địa	365.225.484.242	387.734.607.253
- Nhà cung cấp nước ngoài	399.046.022.363	392.921.977.696
- Nhà phân phối	9.056.325.829	9.209.923.484
Cộng	<u><u>773.327.832.434</u></u>	<u><u>789.866.508.433</u></u>

21. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	30.454.978.052	73.206.548.261	79.683.789.150	23.977.737.163
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	21.850.495.521	117.414.176.045	121.130.616.191	18.134.055.375
- Thuế xuất, nhập khẩu	11.474.338.752	45.736.720.733	49.609.929.063	7.601.130.422
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	330.270.558.581	144.683.986.466	64.404.344.083	410.550.200.964
- Thuế thu nhập cá nhân	5.902.783.169	17.288.578.318	21.489.784.844	1.701.576.643
- Thuế tài nguyên	9.330.288	39.911.025	32.436.080	16.805.233
- Thuế nhà đất	-	-	-	-
- Tiền thuê đất	-	829.812.497	535.185.997	294.626.500
- Các loại thuế khác	-	1.640.923.412	1.640.923.412	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7.470.633	7.440.000	30.633
Cộng	<u><u>399.962.484.363</u></u>	<u><u>400.848.127.390</u></u>	<u><u>338.534.448.820</u></u>	<u><u>462.276.162.933</u></u>

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng	137.415.874.698	143.611.944.115
- Chi phí quảng cáo	30.817.723.977	37.959.007.545
- Chi phí vận chuyển	18.256.382.779	13.625.930.465
- Chi phí điện, nước	1.724.253.458	536.884.750
- Chi phí thuê đất	824.008.439	773.520.853
- Chi phí kiểm toán	1.232.183.705	927.539.704
- Chi phí bảo trì và sửa chữa	6.399.049.789	2.736.095.442
- Chi phí phải trả khác	8.853.271.262	7.959.592.383
Cộng	<u><u>205.522.748.107</u></u>	<u><u>208.130.515.257</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	214.759.719	86.204.460
- Kinh phí công đoàn	74.811.531	44.689.375
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	203.264.400.000	48.130.560.000
- Phải trả khác về đầu tư tài chính	2.984.859.555	3.184.859.555
- Phải trả cho cổ đông góp vốn mua cổ phiếu đầu tư	20.323.120.000	20.406.760.000
- Thuế Nhập khẩu phải trả (Sx hàng Xuất khẩu)	8.626.171.067	5.178.995.586
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.493.799.539	6.815.702.129
Cộng	<u>244.981.921.411</u>	<u>83.847.771.105</u>

24. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay dài hạn ngân hàng	-	-
- Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	9.963.436.000	12.454.295.000
Cộng	<u>9.963.436.000</u>	<u>12.454.295.000</u>

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

Từ 1 năm trở xuống	9.963.436.000
Trên 1 năm đến 5 năm	9.963.436.000
Trên 5 năm	-
Tổng nợ	<u>19.926.872.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

25. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	7	8
Số dư đầu kỳ năm trước	1.752.756.700.000	1.064.948.051.177	-	869.697.027.622	175.275.670.000	803.037.145.827	4.665.714.594.626
- Tăng vốn trong năm trước	1.759.896.300.000	(1.064.948.051.177)	(154.222.000)	-	-	(691.301.848.823)	3.492.178.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	2.375.692.853.218	2.375.692.853.218
- Trích lập các quỹ	-	-	-	886.585.882.713	119.072.206.431	(1.243.802.502.005)	(238.144.412.861)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Cổ tức	-	-	-	-	-	(351.280.620.000)	(351.280.620.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	3.512.653.000.000	-	(154.222.000)	1.756.282.910.335	294.347.876.431	892.345.028.217	6.455.474.592.983
- Tăng vốn trong kỳ	18.068.200.000	-	(3.462.000)	-	-	-	18.064.738.000
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	817.625.378.985	817.625.378.985
- Trích lập các quỹ	-	-	-	130.948.185.064	40.824.155.838	(253.420.652.580)	(81.648.311.678)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Cổ tức	-	-	-	-	-	(353.056.460.000)	(353.056.460.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	3.530.721.200.000	-	(157.684.000)	1.887.231.095.399	335.172.032.269	1.103.493.294.622	6.856.459.938.290

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Tỷ lệ(*)</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
- Vốn đầu tư của Nhà nước	1.680.623.291.200	47,60%	1.672.022.828.000	47,60%
- Vốn góp của Nước ngoài	1.623.778.679.880	45,99%	1.553.997.687.200	44,24%
- Vốn góp của nhà đầu tư trong nước	226.319.228.920	6,41%	286.632.484.800	8,16%
- Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
- Cổ phiếu quỹ	(157.684.000)		(154.222.000)	
Cộng	<u>3.530.563.516.000</u>		<u>3.512.498.778.000</u>	

(*) Theo nguồn Bản tin thị trường chứng khoán ngày 01/04/2010

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tổng doanh thu	3.304.641.772.522	2.109.616.212.434
• Doanh thu bán hàng hóa	24.715.833.952	19.496.119.731
• Doanh thu bán thành phẩm	3.271.941.712.367	2.087.805.325.020
• Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.166.096.749	2.314.767.683
• Doanh thu kinh doanh bất động sản	818.129.454	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	54.522.315.111	41.034.747.453
• Chiết khấu thương mại	53.140.116.194	36.785.033.790
• Giảm giá hàng bán	-	-
• Hàng bán bị trả lại	1.382.198.917	4.249.713.663
Doanh thu thuần	<u>3.250.119.457.411</u>	<u>2.068.581.464.981</u>
Trong đó:		
• Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	3.242.135.231.208	2.066.266.697.298
• Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	7.984.226.203	2.314.767.683

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	18.533.697.778	15.283.589.022
- Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	2.072.491.298.267	1.378.344.221.627
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.552.856.647	225.784.644
- Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	422.260.012	-
- Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho	474.275.935	530.955.891
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	13.217.826.430	5.280.609.277
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.635.942.598	(1.852.270.138)
Cộng	<u>2.110.328.157.667</u>	<u>1.397.814.417.723</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	52.474.813.323	6.685.874.352
- Lãi trái phiếu	5.813.795.718	147.333.333
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	321.091.500	5.888.275.000
- Cổ phiếu thưởng	-	-
- Lãi đầu tư chứng khoán	895.805.360	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá	31.529.157.728	46.927.235.001
- Khác	29.859.078	139.598.599.541
Cộng	<u>91.064.522.707</u>	<u>199.247.317.227</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Lãi tiền vay ngân hàng, các tổ chức khác	432.005.986	1.575.608.189
- Lãi ký quỹ	675.975.679	-
- Phí giao dịch mua bán chứng khoán	76.732.970	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.612.198.717	17.136.434.042
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	(1.403.536.400)	5.487.001.200
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(10.151.333.307)	20.459.200.000
- Hỗ trợ thanh toán nhà phân phối	5.694.825.000	-
- Khác	-	-
Cộng	<u>5.936.868.645</u>	<u>44.658.243.431</u>

5. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.158.915.563	2.197.014.667
- Thu thanh lý phế liệu, CCDC, VTKT	12.532.930.317	6.892.813.335
- Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	294.083.863	1.216.739.577
- Nhận hỗ trợ từ nhà cung cấp	45.417.700.789	11.874.215.866
- Thu được từ các khoản thuế được hoàn	-	83.721.725
- Thu nhập khác	449.070.480	3.302.951.779
Cộng	<u>59.852.701.012</u>	<u>25.567.456.949</u>

6. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, thanh lý	1.177.489.639	1.209.233.726
- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
- Giá trị VTKT, CCDC thanh lý	448.128.581	220.821.885
- Chi phạt do vi phạm hợp đồng	25.275	-
- Thuế bị phạt, bị truy thu	2.897.800	242.638

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Chi phí khác	30.570.792	3.700.458.720
Cộng	<u>1.659.112.087</u>	<u>5.130.756.969</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	817.625.378.887	490.105.981.039
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
• <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</i>	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	817.625.378.887	490.105.981.039
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	352.012.543	350.900.660
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.323</u>	<u>1.397</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	351.249.980	175.275.670
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông thường phát hành 18/09/09	-	175.624.990
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 07 tháng 01 năm 2010	(317)	-
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 22 tháng 02 năm 2010	762.880	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	<u>352.012.543</u>	<u>350.900.660</u>

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.053.170.519.451	1.336.681.664.900
- Chi phí nhân công	113.316.314.655	107.442.600.707

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.629.534.492	52.999.130.645
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.652.938.014	61.403.392.929
- Chi phí khác	176.863.237.855	172.012.682.642
Cộng	<u><u>2.508.632.544.467</u></u>	<u><u>1.730.539.471.823</u></u>

Trong đó bao gồm:

Chi phí sản xuất:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.043.948.414.611	1.330.521.552.701
- Chi phí nhân công	60.789.886.191	58.079.616.660
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.064.508.592	39.666.812.607
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.185.887.208	21.733.428.803
- Chi phí khác	3.668.864.033	3.788.162.494
Cộng	<u><u>2.193.657.560.635</u></u>	<u><u>1.453.789.573.265</u></u>

Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	29.386.987.919	31.011.334.899
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.804.701.184	4.623.712.347
- Chi phí dụng cụ đồ dùng bán hàng	1.783.620.551	5.906.730.924
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.320.003.860	4.053.381.179
- Chi phí bảo hành	2.344.750.675	1.188.800.398
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.514.563.151	23.362.506.757
- Chi phí khác bằng tiền	152.133.396.794	146.743.621.814
Cộng	<u><u>242.288.024.134</u></u>	<u><u>216.890.088.318</u></u>

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	23.139.440.545	18.351.649.148
- Chi phí vật liệu quản lý	1.417.403.656	1.536.399.852
- Chi phí đồ dùng văn phòng	2.178.928.951	1.463.410.826
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.245.022.040	9.278.936.859
- Thuế, phí, lệ phí	615.699.726	788.125.475
- Chi phí dự phòng	(47.925.643)	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.952.487.655	16.307.457.369
- Chi phí khác bằng tiền	14.185.902.768	12.133.830.711
Cộng	<u><u>72.686.959.698</u></u>	<u><u>59.859.810.240</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Lương	<u>3.618.900.000</u>	<u>5.007.120.769</u>

Cho mục đích công bố thông tin về các bên liên quan, các chức trách quản lý chủ chốt bao gồm các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều Hành.

2. Thông tin về bộ phận

CHỈ TIÊU	Quý 1 Năm 2010		Quý 1 Năm 2009	
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.879.479.937.752	425.161.834.770	1.823.103.500.054	286.512.712.380
2. Các khoản giảm trừ	54.522.315.111	-	41.034.747.453	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 03)	2.824.957.622.641	425.161.834.770	1.782.068.752.601	286.512.712.380
4. Giá vốn hàng bán	1.794.104.269.349	316.223.888.318	1.191.716.803.073	206.097.614.650
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	1.030.853.353.292	108.937.946.452	590.351.949.528	80.415.097.730

3. Thông tin khác :

+ Vào ngày 11/03/2010 Chủ sở hữu Công Ty TNHH 1 Thành Viên Bất Động Sản Chiến Thắng – Việt Nam đã ban hành Quyết Định số: 01/2010/ QĐ quyết định giải thể Công ty 1 Thành Viên Bất Động Sản Chiến Thắng – Việt Nam.

Người lập

Nguyễn Việt Hùng

Kế toán trưởng

Lê Thành Liêm

Lập ngày 22 tháng 04 năm 2010
Tổng Giám Đốc

Mai Kiều Liên

